

Bề mặt Viết Cao cấp

Cuộn + Tấm

Châu Âu, Trung Đông và Châu Phi/

Châu Á-Thái Bình Dương



CeramicSteel



5

Về CeramicSteel

12

Danh mục Sản phẩm

16

Thông số Kỹ thuật

23

Bảo hành Vĩnh viễn

24

Vệ sinh + Bảo dưỡng







Bền bỉ theo thời gian

Lịch sử Cải tiến

Trong hơn 60 năm qua, Polyvision đã liên tục sản xuất các bề mặt CeramicSteel bền vững và lâu dài cho các ứng dụng bảng trắng, bảng đen và kiến trúc, chịu được thử thách của thời gian trong những môi trường đòi hỏi yêu cầu khắc khe nhất. Sứ mệnh của chúng tôi là biến thế giới trở thành một nơi tốt đẹp hơn bằng cách tạo ra những sản phẩm nâng cao trải nghiệm trực quan và kết nối con người với môi trường xung quanh, và đây chính là động lực thúc đẩy đam mê của đội ngũ chúng tôi. Với các cơ sở sản xuất hiện đại tại Oklahoma, Mỹ và Genk, Bỉ, cùng với các văn phòng bán hàng trên toàn thế giới, Polyvision cung cấp các sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ khách hàng tuyệt vời.

Khoa học về Bề mặt

CeramicSteel là một trong những bề mặt bền nhất hiện có, kết hợp với những đặc tính tốt nhất của men sứ và thép để tạo ra một bề mặt vô song trong ngành. Thông qua quá trình tráng cuộn liên tục ở nhiệt độ cao, lõi thép lá mỏng được phủ các lớp men mỏng ở cả hai mặt. Lớp men sứ được nung kết vào thép ở nhiệt độ trong khoảng 700-900°C (1292-1652°F). Kết quả là tạo ra e³ CeramicSteel — một bề mặt viết có từ tính tự nhiên, vô cơ và không xốp, chống được vết bẩn, trầy xước, vi khuẩn, hóa chất và lửa.

CeramicSteel được sử dụng trong hơn 25 triệu lớp học và có ảnh hưởng đến hơn 500 triệu học sinh mỗi ngày. Kể từ năm 1954, e³ CeramicSteel của Polyvision đã trở thành bề mặt chất lượng hàng đầu trong ngành cho vật liệu viết bền vững và đa dụng.





Bề mặt Hợp vệ sinh

CeramicSteel là một bề mặt không xốp, có khả năng chống lại vi khuẩn và vi rút một cách tự nhiên. Các cuộn, tấm và bảng có sẵn trong Hygienic CeramicSteel của Polyvision (một lớp hoàn thiện độc quyền kết hợp các vi hạt bạc) được sản xuất theo công thức để tạo ra bề mặt tự làm sạch.

Bền vững

e³ CeramicSteel của Polyvision được chứng nhận Cradle to Cradle Certified™ Silver nhấn mạnh quy trình sản xuất bền vững của sản phẩm. CeramicSteel cũng có khả năng tái chế lên đến 99.9%. Ngoài ra, CeramicSteel còn được chứng nhận bởi SCS Global Services với tiêu chuẩn Indoor Advantage Gold™, đáp ứng các giới hạn nghiêm ngặt về phát thải hóa chất đối với chất lượng không khí trong nhà (IAQ) cho các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs).

Tùy chỉnh

CeramicSteel có thể được tùy chỉnh để hỗ trợ các kích thước tấm riêng biệt, màu sắc tùy chọn và in kỹ thuật số. Kết hợp vật liệu của chúng tôi vào thiết kế bảng trắng của bạn để mang đến tính thẩm mỹ cao cấp và chức năng vượt trội.

Đặc điểm và Lợi ích của CeramicSteel

- Bề mặt mịn, trơ
- Được làm từ vật liệu vô cơ
- Có từ tính
- Giữ màu, không phai
- Chống lại vi khuẩn, vẽ bậy, lửa, trà xước, vết bẩn và hóa chất
- Dễ dàng vệ sinh, lau chùi
- Không thải ra các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs)

CeramicSteel

Hợp vệ sinh

Polyvision CeramicSteel có khả năng chống vi khuẩn ngay từ lúc ban đầu. Nhờ có bề mặt mịn, không xốp và chống trầy xước, không có chỗ cho vi khuẩn ẩn náu.

Bề mặt Vệ sinh hoàn toàn mới đưa CeramicSteel lên một tầm cao mới bằng cách kết hợp các vi hạt bạc được thiết kế để giữ cho bề mặt luôn sạch sẽ và đã được kiểm tra theo các tiêu chuẩn ISO 22196:2011 và ISO 21702:2019.

Tính năng Kháng khuẩn

- Loại bỏ vi khuẩn và vi rút trên bề mặt trong vòng 24 giờ
- Không mùi và không màu
- Chống trầy xước
- Các hạt bạc an toàn và không thể truyền đi từ bề mặt
- Bảo hành trọn đời cho bề mặt
- An toàn với môi trường
- Bề mặt vô cơ, mịn màng và không xốp
- Các giải pháp vệ sinh tiêu chuẩn và có tác dụng mạnh dùng để khử trùng và vệ sinh sẽ không làm hư hại bề mặt hoặc các hạt bạc

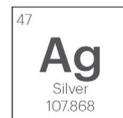
Công nghệ Ion Bạc hoạt động như thế nào?

Từ thời cổ đại, bạc đã được biết đến như một phương thức giữ cho các bề mặt sạch sẽ. Các nền văn minh cổ sử dụng kim loại này để điều trị vết thương hở và những người tiên phong ban đầu đã dùng bạc để giữ cho thùng nước luôn trong sạch.

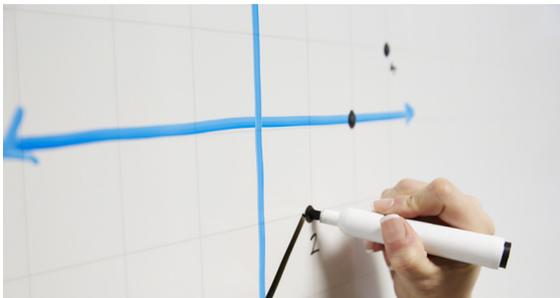
Ngày nay, các ion bạc được sử dụng trong nhiều sản phẩm y tế và phi y tế cũng như các sản phẩm chăm sóc da đã được thử nghiệm lâm sàng.

Các vi hạt bạc này từ từ giải phóng các ion bạc theo thời gian và sẽ tích cực hoạt động để giữ cho bề mặt không có vi khuẩn và vi rút trong suốt vòng đời của sản phẩm. Điều này làm cho nó trở thành lựa chọn lý tưởng cho các môi trường đòi hỏi sự sạch sẽ cao.

CeramicSteel Hợp vệ sinh tuân thủ các tiêu chuẩn kiểm tra của ISO 22196:2011/22196:2007 và ISO 21702:2019



Bề mặt vượt trội, bền vững



Bề mặt viết cao cấp

Bảng viết bằng bút lông

Vật liệu bảng trắng của chúng tôi không thấm nước, có thể được viết bằng bút viết bảng xóa khô, bút lông bán vĩnh viễn, bút hòa tan trong nước hoặc bút viết bảng không xóa được mà không làm hư hỏng bề mặt. Mực bút viết bảng xóa khô có thể dễ dàng lau sạch bằng khăn khô hoặc tẩy thông thường, và mực bút lông bán vĩnh viễn hoặc bút viết không xóa được có thể được loại bỏ bằng dung dịch tẩy rửa gốc dung môi. Bề mặt viết siêu mịn, cũng có thể được sử dụng để trình chiếu, cho phép bút viết xóa khô lướt nhẹ nhàng với ma sát tối thiểu, loại bỏ hiện tượng mờ và cải thiện khả năng xóa.



Bảng phấn

Bề mặt bảng phấn e³ CeramicSteel có lớp hoàn thiện mờ vượt trội, dễ dàng nhận phấn, mang đến những đường nét sắc nét, liền mạch với ít áp lực hơn và độ bám bề mặt tối đa. Bề mặt mịn, không tì vết giúp giảm lượng bụi phấn, tạo ra môi trường sạch sẽ và lành mạnh hơn, trong khi vẻ ngoài siêu mờ làm giảm mỏi mắt nhờ không chói và không có độ tương phản cao.

Trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp

Polyvision tin rằng tính bền vững là một thực hành kinh doanh quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu hiện nay. Nhất quán với niềm tin này, chúng tôi nỗ lực cải tiến liên tục trong tất cả các lĩnh vực bảo vệ môi trường — sử dụng nguyên liệu thô và tài nguyên thiên nhiên một cách có trách nhiệm trong các quy trình sản xuất và vận hành ở tất cả các cơ sở — nhằm giảm tác động của các hoạt động của chúng tôi đối với môi trường. Cuối cùng, chúng tôi tin rằng tất cả chúng ta đều chung tay góp sức vào việc này, cùng nhau bảo vệ và nuôi dưỡng thế giới mà chúng ta đang sống để đưa ra những lựa chọn bền vững hơn.

Sự xuất sắc trong Sản Xuất

Tất cả các cơ sở của Polyvision đều tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế và được chứng nhận về Chất lượng, Môi trường, Sức khỏe và An toàn. Mục tiêu môi trường của chúng tôi là giảm và quản lý dấu chân môi trường toàn cầu trong các lĩnh vực phát thải VOC (hợp chất hữu cơ dễ bay hơi), sử dụng nước, lượng rác thải ra và phát thải CO₂.

- Chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001
- Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp ISO 45001

Đảm bảo Tương lai Bền vững

Ngoài các quy trình sản xuất an toàn và bền vững, Polyvision đảm bảo sản phẩm của chúng tôi đạt tiêu chuẩn cao nhất. Bề mặt CeramicSteel của chúng tôi được chứng nhận bởi các bên thứ ba:

- Chứng nhận Cradle to Cradle — không thải các hóa chất độc hại vào môi trường, bảo vệ nguồn nước sạch, vật liệu an toàn cho con người và môi trường.
- Chứng nhận Chất lượng Không khí Trong nhà theo SCS.EC10.3-2014 v4.0
- Chứng nhận Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001





$$a, b, c \in \mathbb{R}$$

$$a + b + c = 0 \quad - (1)$$

$$a^2 + b^2 + c^2 = \sqrt{74} \quad - (2)$$

$$\text{Find } a^4 + b^4 + c^4$$

$$(a+b+c)^2 = 0$$

$$(1) \quad a^2 + b^2 + c^2 + 2(ab + bc + ca) = 0 \quad 2abc(a+b+c)$$

$$2(ab + bc + ca) = -\sqrt{74} \quad \uparrow = 0$$

$$4 \left[a^2b^2 + b^2c^2 + c^2a^2 + \frac{2abc(a+b+c)}{2} \right] = 74$$

$$2(a^2b^2 + b^2c^2 + c^2a^2) = 37$$

$$(2) \quad \text{sq 2; } a^4 + b^4 + c^4 + 2(a^2b^2 + b^2c^2 + c^2a^2) = 74$$

$$a^4 + b^4 + c^4 = 37$$

Sử dụng hợp lý không gian theo chiều dọc với các bề mặt bảng trắng và bảng phấn có thể tạo điều kiện cho công việc nhóm, củng cố phát triển ngôn ngữ, tăng cường sự tham gia, thúc đẩy sự đổi mới và làm cho quá trình suy nghĩ trở nên rõ ràng. Việc kết hợp các bề mặt viết vào các phòng dự án, phòng huấn luyện hoặc lớp học có thể cho phép cá nhân động não, truyền đạt suy nghĩ và chia sẻ ý tưởng với người khác.

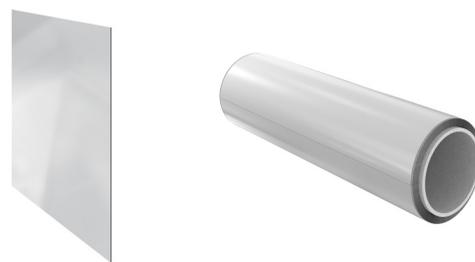
Đặc điểm + Lợi ích

- Bề mặt viết mịn màng, không xốp
- Khả năng xóa tối ưu — không bị ố màu
- Chống trầy xước, lửa và hóa chất
- Chống vi khuẩn — ức chế sự phát triển hoặc sinh sản của vi khuẩn
- Phụ gia Vệ sinh tùy chọn giúp giữ bề mặt sạch sẽ
- Độ tương phản màu sắc cao hơn
- Biến dạng bề mặt/ánh sáng tối thiểu
- Tăng cường khả năng nhìn và tối ưu hóa tính năng làm dịu mắt
- An toàn và sạch sẽ: Chứng nhận Cradle to Cradle Certified™ Bronze
- Các lớp hoàn thiện màu tiêu chuẩn và cao cấp có sẵn
- Giữ màu — không bao giờ phai
- Có thể tái chế đến 99%
- Không thải ra VOCs (các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)



Danh mục Sản phẩm

e³ CeramicSteel của Polyvision được cung cấp với nhiều kích thước, lớp hoàn thiện và màu sắc đa dạng, có thể ở dạng cuộn hoặc cắt theo kích thước yêu cầu.



Lớp hoàn thiện Bảng Viết Cổ điển

BẢNG VIẾT BẢNG BÚT LÔNG



Trắng
6100



Xám nhạt
6101



Be
6102

BẢNG VIẾT PHẤN



Bảng phấn xanh lá
6500



Bảng phấn đen
6501



Bảng phấn xám đen
6502

Lớp hoàn thiện



Mờ
13 GU(60°):
5650 e³ P only

Thấp
25GU: e³ L

Bóng mờ
40 GU: e³ S

Cao
55 GU: e³ H

Siêu mịn
70 GU: e³ U

Khả năng tẩy xóa

Chỉ dành cho tẩy xóa ướt

Khả năng xóa khô tốt

Khả năng xóa khô tốt

Khả năng xóa khô xuất sắc

Khả năng xóa khô xuất sắc

Trình chiếu

Tốt nhất

Tốt

Tốt

Khuyến nghị sử dụng máy chiếu gần

Khuyến nghị sử dụng máy chiếu gần

Màu Sắc Cao Cấp*

ĐẶC SẮC



Thạch cao
5650



6104



Màu xanh tinh tế
6120



Kiwi Vàng
6121



Đào nhiệt đới
6122



Muối biển
6123

* Có yêu cầu áp dụng số lượng đặt hàng tối thiểu

Kích thước

Chiều rộng (mm)	Chiều rộng (in)	Độ dày (mm)	Độ dày (in)	Tổng độ dày của e ³ CeramicSteel (mm)	Tổng độ dày của e ³ CeramicSteel (in)	Châu Âu, Trung Đông và Châu Phi	Châu Á - Thái Bình Dương	Châu Mỹ
874 +2/-0	34.4 +0.08/-0	0.32 ± 0.03	0.0126 ± 0.001	0.4 - 0.51	0.0157 - 0.0200	✓	✓	
888 +2/-0	35 +0.08/-0	0.32 ± 0.03	0.0126 ± 0.001	0.4 - 0.51	0.0157 - 0.0201		✓	
974 +2/-0	38.3 +0.08/-0	0.32 ± 0.03	0.0126 ± 0.001	0.4 - 0.51	0.0157 - 0.0202	✓	✓	
999 +2/-0	39.3 +0.08/-0	0.32 ± 0.03	0.0126 ± 0.001	0.4 - 0.51	0.0157 - 0.0203	✓	✓	
1174 +2/-0	46.2 +0.08/-0	0.35 ± 0.03	0.0138 ± 0.001	0.43 - 0.54	0.0169 - 0.0212	✓	✓	
1188 +2/-0	46.8 +0.08/-0	0.35 ± 0.03	0.0138 ± 0.002	0.43 - 0.54	0.0169 - 0.0213		✓	
1199 +2/-0	47.2 +0.08/-0	0.35 ± 0.03	0.0138 ± 0.003	0.43 - 0.54	0.0169 - 0.0214	✓	✓	
1216 +2/-0	47.9 +0.08/-0	0.35 ± 0.03	0.0138 ± 0.004	0.43 - 0.54	0.0169 - 0.0215	✓	✓	
838.2 +3/-0	33 (-0 +1/8)	0.33 ± 0.03	0.013 (± 0.001)	0.43 - 0.55	0.017 - 0.0215			✓
877.9 +3/-0	34-9/16 (-0 +1/8)	0.33 ± 0.03	0.013 (± 0.001)	0.43 - 0.55	0.017 - 0.0215			✓
911.2 +3/-0	35-7/8 (-0 +1/8)	0.33 ± 0.03	0.013 (± 0.001)	0.43 - 0.55	0.017 - 0.0215			✓
1179.5 +3/-0	46-7/16 (-0 +1/8)	0.33 ± 0.03	0.013 (± 0.001)	0.43 - 0.55	0.017 - 0.0215			✓
1216 +3/-0	47-7/8 (-0 +1/8)	0.33 ± 0.03	0.013 (± 0.001)	0.43 - 0.55	0.017 - 0.0215			✓
1216 +3/-0	47-7/8 (-0 +1/8)	0.48 ± 0.03	0.019 (± 0.001)	0.58 - 0.68	0.023 - 0.027			✓
1520.8 +3/-0	59-7/8 (-0 +1/8)	0.48 ± 0.03	0.019 (± 0.001)	0.58 - 0.68	0.0253 - 0.0293	✓	✓	✓

Tính sẵn có

Màu sắc	Mô tả	ISO 7724				Tính sẵn có theo khu vực		
		L*	a*	b*	ΔE ⁹⁴ so với tiêu chuẩn	Châu Âu, Trung Đông và Châu Phi	Châu Á - Thái Bình Dương	Châu Mỹ
5650 P	Trắng ngà	88.7	-1.4	3.8	< 1.5	✓	✓	✓
6500 C	Bảng phấn xanh lá	37.5	-16.4	5.1	< 1.5	✓	✓	✓
6501 C	Bảng phấn đen	20.9	-0.7	-0.9	< 1.5	✓	✓	✓
6502 C	Bảng phấn xám đen	35.7	0.6	0.2	< 1.5	✓	✓	✓
6503 C	Bảng phấn xanh	33.7	-6.7	-26.4	< 1.5	✓	✓	✓
6100 L/S/H/U	Trắng	89.9	-0.4	2.7	< 1.5	✓	✓	✓
6101 L/S/H/U	Xám nhạt	78.8	0.1	2.8	< 1.5	✓	✓	✓
6102 L/S/H/U	Be	87.3	1.7	14.2	< 1.5	✓	✓	✓
6106 L/S/H/U	Đen mã não	7.3	0.6	-0.1	< 1.5	✓	✓	✓
6107 L/S/H/U	Xanh da trời	44.5	-15.0	-33.2	< 1.5	✓	✓	✓
7101 L/S/H/U	Đá bọt	81.23	0.98	6.39	< 1.5	✓	✓	✓
7102 L/S/H/U	Xanh Pistachio	93.2	-3.81	10.19	< 1.5	✓	✓	✓
7103 L/S/H/U	Xanh ngọc	90.87	-2.83	4.66	< 1.5	✓	✓	✓
7104 L/S/H/U	Xanh Beryl	90.16	-4.25	0.3	< 1.5	✓	✓	✓
9908 C	Đỏ rượu vang	42.5	31.6	14.2	< 1.5	✓	✓	✓
9912 XS	Trắng Alpine	91.9	-1.4	-0.9	< 1.5	✓	✓	✓
-	Trắng giấy Phiên bản S	88.5	-1.9	2.1	< 1.5	✓	✓	✓

Chỉ giá trị mang tính chất tham khảo



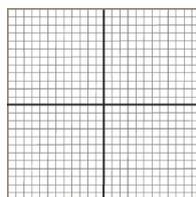
Hình ảnh In

In Lưới

Thông qua quá trình in ấn, các đặc điểm độc đáo của CeramicSteel cũng được tích hợp vào các đồ họa. Được nung ở nhiệt độ từ 700–900 °C (1292–1652 °F), lớp men tráng sứ in phía trên cung cấp một bề mặt lâu dài, chống trầy xước và lửa, chịu được thời tiết và tia UV để màu sắc không bao giờ phai nhạt, đồng thời lớp men sứ này bao gồm bảo hành vĩnh viễn về các đặc tính của nó, như chính bề mặt vậy. Với công nghệ mới nhất của chúng tôi, chúng tôi có thể in các cuộn và tấm CeramicSteel trong một quy trình liên tục.

In Kỹ thuật số

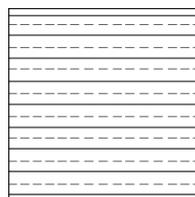
Sử dụng mực gốm, in kỹ thuật số hình ảnh, đồ họa và tác phẩm nghệ thuật lên trên CeramicSteel hiệu quả hơn và tiết kiệm chi phí hơn nhiều so với nhiều phương pháp thay thế khác. Đối với các dự án lớn và thiết kế độc đáo, in kỹ thuật số là một giải pháp xuất sắc.



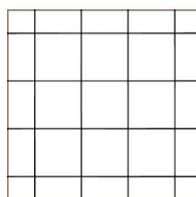
Kẻ ô ly



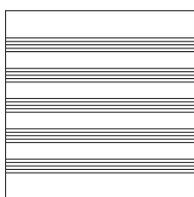
Đường kẻ ngang
50,8 mm



Dòng kẻ chữ



Lưới ô vuông
50,8 mm x 50,8 mm



Khuông nhạc 5
dòng kẻ



Những lợi ích chính mà khách hàng của chúng tôi có được bao gồm:

- Một loạt các mẫu về giáo dục dưới dạng cuộn hiện sẵn có
- Tính linh hoạt cao hơn khi cắt theo kích thước
- Ít phế liệu và tổn thất vật liệu hơn
- Giảm lượng tồn kho và không gian lưu trữ
- Chi phí giảm thiểu được chuyển thành giá cạnh tranh hơn
- Cải thiện hiệu suất người dùng cuối

Những nỗ lực của chúng tôi nhằm cải thiện các đặc tính của CeramicSteel in lưới cũng mang lại nhiều lợi ích cho người dùng cuối. Nó vẫn hoàn toàn dễ nhìn thấy (chúng tôi cung cấp cả tùy chọn tương phản cao và tùy chọn tương phản thấp "tone-in-tone"), nhưng không thể cảm nhận được. Đây là sự kết hợp lý tưởng của hai lớp gốm. Điều này có nghĩa là mẫu in sẽ không gây trở ngại khi viết hoặc xóa trên bề mặt bảng phấn hoặc bảng trắng.

Khấu trừ khiếm khuyết đối với in cuộn

Với in mô-đun (ví dụ: Lưới), 1 LỖI = 1 mét bị khấu trừ* (mô-đun chiều dài 3000 mm) tối đa 10% khấu trừ, trừ khi có thỏa thuận khác.

Với in liên tục (ví dụ: Dầu thập), 1 LỖI = 0,25 mét bị khấu trừ* tối đa 1 lỗi mỗi 10 mét chạy hoặc tối đa 10% khấu trừ.

Do các đặc điểm cụ thể của mẫu và quy trình sản xuất của chúng tôi, sự gián đoạn là cần thiết. Chiều dài in tối đa của hệ thống in lưới là 3000 mm. Các mẫu liên tục sẽ được in với chiều dài 2996 mm và khoảng cách 4 mm.

Các đơn hàng tùy chỉnh có sẵn theo yêu cầu.



Bề mặt Viết Siêu bóng - U

Bề mặt siêu mịn với độ méo do ánh sáng thấp hơn đáng kể so với các bề mặt khác, giúp tăng cường khả năng nhìn và xóa khô. Loại U lý tưởng cho các ứng dụng giữ từ và dễ dàng bảo dưỡng. Đây là một trong những bề mặt được sử dụng phổ biến nhất cho các mục đích chung.



Thuộc tính	Tham chiếu trong Tài liệu số 41.822	Thông số kỹ thuật	Bảng trắng e ³ Loại U
Tổng độ dày lớp men phủ trên	1	ISO 2178 / ASTM B499	85 - 120 µm / 3.35 - 4.72 mills
Độ dày thép	2		Xem kích thước, trang 13
Độ dày lớp men phủ phía sau	3	ISO 2178 / ASTM B499	Loại A: 25 - 50 µm / 0.98 - 1.97 mills Loại B: 35 - 50 µm / 1.38 - 1.97 mills
Tổng độ dày	4		Xem kích thước, trang 13
Chiều rộng tiêu chuẩn có sẵn	5		Xem kích thước, trang 13
Màu tiêu chuẩn có sẵn	6		Xem màu tiêu chuẩn, trang 12
Trọng lượng (diện hình)	7	-	2.9 - 3.2 kg/m ²
Độ lệch màu so với tiêu chuẩn	8	ISO 7724 / ASTM D2244-02	ΔE ⁹⁴ = tối đa 1,5
Độ bóng	9	ISO 2813 / ASTM D523 60° ISO 2813 / ASTM D523 20°	(Chỉ báo: 97 GU) 70 (+10/-5) GU
Độ cứng bề mặt theo thang đo Mohs	11	EN 15771	Tối thiểu 5
Khả năng chống trầy xước	12	ISO 15695	Tối thiểu 7 N
Độ cứng bút chì	13	ASTM D-3363	> 9H
Khả năng chống mòn	14	ASTM C 501 (Chất mài mòn S 33/1 kg/1000 vòng)	Tối đa 0,1 g
Khả năng chịu va đập	15	ISO 4532 (20N - 24h)	< 2 mm
Khả năng chống axit lạnh	16	EN 14483-1-9 / ISO 28706-1-9	Tối thiểu A
Khả năng chống dung môi	17	PVNV 41.822	Không thay đổi
Khả năng chống cháy	18	EN 13501-1 +A1	Không cháy - Lớp A1
Độ ổn định màu sắc	19	ASTM C 538	ΔE ⁹⁴ ≤ 5
Khả năng xóa của bút khô	24	PVNV 41.803	Xuất sắc (ΔE ⁹⁴ ≤ 1.5)
Khả năng xóa của bút gốc nước bằng nước	25	PVNV 41.822	Xuất sắc (ΔE ⁹⁴ ≤ 1.5)
Khả năng xóa của bút không phai với cồn	26	PVNV 41.822	Xuất sắc (ΔE ⁹⁴ ≤ 1.5)
Độ bền	27	PVNV 41.809	RG<30%
Khả năng xóa của bề mặt đã cũ	28	PVNV 41.809	Xuất sắc (ΔE ⁹⁴ ≤ 1.5)
EN ISO 28762	29	EN ISO 28762	Đạt yêu cầu
Cơ quan Quản lý Tráng men Châu Âu	30	Yêu cầu về Chất lượng của EEA	EEA 7.17: Đạt yêu cầu
Chứng nhận MBDC Cradle to Cradle	31	Chứng nhận Cradle to Cradle Bronze	Đã chứng nhận
Tuân thủ PEI 1002	32	PEI 1002	Đạt yêu cầu
Tuân thủ ISO 9001, ISO 14001	33	ISO 9001	Đã chứng nhận

Bề mặt Viết có Độ bóng cao - H

Bề mặt có độ bóng cao ít phản chiếu hơn so với loại U, đồng thời vẫn duy trì bề mặt mịn màng. Bề mặt này lý tưởng cho các ứng dụng giữ từ và dễ dàng bảo dưỡng. Đây là một trong những bề mặt được sử dụng phổ biến nhất cho các mục đích chung.

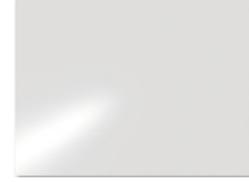


Thuộc tính	Tham chiếu trong Tài liệu số 41.822	Thông số kỹ thuật	Bảng trắng e ³ Loại H
Tổng độ dày lớp men phủ trên	1	ISO 2178 / ASTM B499	85 - 120 µm / 3.35 - 4.72 mills
Độ dày thép	2		Xem kích thước, trang 13
Độ dày lớp men phủ phía sau	3	ISO 2178 / ASTM B499	Loại A: 25 - 50 µm / 0.98 - 1.97 mills Loại B: 35 - 50 µm / 1.38 - 1.97 mills
Tổng độ dày	4		Xem kích thước, trang 13
Chiều rộng tiêu chuẩn có sẵn	5		Xem kích thước, trang 13
Màu tiêu chuẩn có sẵn	6		Xem màu tiêu chuẩn, trang 12
Trọng lượng (điển hình)	7	-	2.9 - 3.2 kg/m ²
Độ lệch màu so với tiêu chuẩn	8	ISO 7724 / ASTM D2244-02	ΔE ⁹⁴ = tối đa 1,5
Độ bóng	9	ISO 2813 / ASTM D523 60° ISO 2813 / ASTM D523 20°	(Chỉ báo: 92 GU) 55 (+10/-5) GU
Độ cứng bề mặt theo thang đo Mohs	11	EN 15771	Tối thiểu 5
Khả năng chống trầy xước	12	ISO 15695	Tối thiểu 7 N
Độ cứng bút chì	13	ASTM D-3363	> 9H
Khả năng chống mòn	14	ASTM C 501 (Chất mài mòn S 33/1 kg/1000 vòng)	Tối đa 0,1 g
Khả năng chịu va đập	15	ISO 4532 (20N - 24h)	< 2 mm
Khả năng chống axit lạnh	16	EN 14483-1-9 / ISO 28706-1-9	Tối thiểu A
Khả năng chống dung môi	17	PVNV 41.822	Không thay đổi
Khả năng chống cháy	18	EN 13501-1 +A1	Incombustible - Class A1
Độ ổn định màu sắc	19	ASTM C 538	ΔE ⁹⁴ ≤ 5
Khả năng xóa của bút khô	24	PVNV 41.803	Xuất sắc (ΔE ⁹⁴ ≤ 1.5)
Khả năng xóa của bút gốc nước bằng nước	25	PVNV 41.822	Xuất sắc (ΔE ⁹⁴ ≤ 1.5)
Khả năng xóa của bút không phai với cồn	26	PVNV 41.822	Xuất sắc (ΔE ⁹⁴ ≤ 1.5)
Độ bền	27	PVNV 41.809	RG < 30%
Khả năng xóa của bề mặt đã cũ	28	PVNV 41.809	Xuất sắc (ΔE ⁹⁴ ≤ 1.5)
EN ISO 28762	29	EN ISO 28762	Đạt yêu cầu
Cơ quan Quản lý Tráng men Châu Âu	30	Yêu cầu về Chất lượng của EEA	EEA 7.17: Đạt yêu cầu
Chứng nhận MBDC Cradle to Cradle	31	Chứng nhận Cradle to Cradle Bronze	Đã chứng nhận
Tuân thủ PEI 1002	32	PEI 1002	Đạt yêu cầu
Tuân thủ ISO 9001, ISO 14001	33	ISO 9001	Đã chứng nhận



Bề mặt Viết Bóng mờ - S

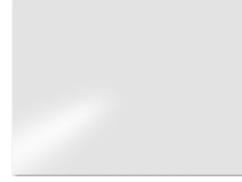
Bề mặt bóng mờ Satin có độ phản chiếu ánh sáng thấp hơn so với loại U và loại H, nhưng vẫn mang đến một bề mặt mịn màng, dễ viết và xóa. Đây là một lựa chọn tuyệt vời cho các không gian sử dụng máy chiếu.



Thuộc tính	Tham chiếu trong Tài liệu số 41.822	Thông số kỹ thuật	Bảng trắng e ³ Loại S
Tổng độ dày lớp men phủ trên	1	ISO 2178 / ASTM B499	85 - 120 μm / 3.35 - 4.72 mills
Độ dày thép	2		Xem kích thước, trang 13
Độ dày lớp men phủ phía sau	3	ISO 2178 / ASTM B499	Loại A: 25 - 50 μm / 0.98 - 1.97 mills Loại B: 35 - 50 μm / 1.38 - 1.97 mills
Tổng độ dày	4		Xem kích thước, trang 13
Chiều rộng tiêu chuẩn có sẵn	5		Xem kích thước, trang 13
Màu tiêu chuẩn có sẵn	6		Xem màu tiêu chuẩn, trang 12
Trọng lượng (diện hình)	7	-	2.9 - 3.2 kg/m ²
Độ lệch màu so với tiêu chuẩn	8	ISO 7724 / ASTM D2244-02	ΔE ⁹⁴ = tối đa 1,5
Độ bóng	9	ISO 2813 / ASTM D523 60° ISO 2813 / ASTM D523 20°	(Chỉ báo: 83 GU) 40 (+10/-5) GU
Độ cứng bề mặt theo thang đo Mohs	11	EN 15771	Tối thiểu 5
Khả năng chống trầy xước	12	ISO 15695	Tối thiểu 7 N
Độ cứng bút chì	13	ASTM D-3363	> 9H
Khả năng chống mòn	14	ASTM C 501(Chất mài mòn S 33/1 kg/1000 vòng)	Tối đa 0,1 g
Khả năng chịu va đập	15	ISO 4532 (20N - 24h)	< 2 mm
Khả năng chống axit lạnh	16	EN 14483-1-9 / ISO 28706-1-9	Tối thiểu A
Khả năng chống dung môi	17	PVNV 41.822	Không thay đổi
Khả năng chống cháy	18	EN 13501-1 +A1	Không cháy - Lớp A1
Độ ổn định màu sắc	19	ASTM C 538	ΔE ⁹⁴ ≤ 5
Khả năng xóa của bút khô	24	PVNV 41.803	Tốt (ΔE ⁹⁴ ≤ 4.5)
Khả năng xóa của bút gốc nước bằng nước	25	PVNV 41.822	Xuất sắc (ΔE ⁹⁴ ≤ 1.5)
Khả năng xóa của bút không phai với cồn	26	PVNV 41.822	Xuất sắc (ΔE ⁹⁴ ≤ 1.5)
Độ bền	27	PVNV 41.809	RG < 30%
Khả năng xóa của bề mặt đã cũ	28	PVNV 41.809	Tốt (ΔE ⁹⁴ ≤ 4.5)
EN ISO 28762	29	EN ISO 28762	Đạt yêu cầu
Cơ quan Quản lý Tráng men Châu Âu	30	EEA Quality Requirements	EEA 7.17: Đạt yêu cầu
Chứng nhận MBDC Cradle to Cradle	31	Cradle to Cradle Bronze	Đã chứng nhận
Tuân thủ PEI 1002	32	PEI 1002	Đạt yêu cầu
Tuân thủ ISO 9001, ISO 14001	33	ISO 9001	Đã chứng nhận

Bề mặt viết bóng mờ - L

Bề mặt hoàn thiện bóng mờ có độ phản chiếu ánh sáng ít hơn so với loại U và loại H, nhưng vẫn cung cấp một bề mặt mịn màng, dễ viết và xóa. Đây là một lựa chọn tuyệt vời cho các không gian sử dụng máy chiếu.



Thuộc tính	Tham chiếu trong Tài liệu số 41.822	Thông số kỹ thuật	Bảng trắng e ³ Loại L
Tổng độ dày lớp men phủ trên	1	ISO 2178 / ASTM B499	85 - 120 µm / 3.35 - 4.72 mills
Độ dày thép	2		Xem kích thước, trang 13
Độ dày lớp men phủ phía sau	3	ISO 2178 / ASTM B499	Loại A: 25 - 50 µm / 0.98 - 1.97 mills Loại B: 35 - 50 µm / 1.38 - 1.97 mills
Tổng độ dày	4		Xem kích thước, trang 13
Chiều rộng tiêu chuẩn có sẵn	5		Xem kích thước, trang 13
Màu tiêu chuẩn có sẵn	6		Xem màu tiêu chuẩn, trang 12
Trọng lượng (điển hình)	7	-	2.9 - 3.2 kg/m ²
Độ lệch màu so với tiêu chuẩn	8	ISO 7724 / ASTM D2244-02	ΔE ⁹⁴ = tối đa 1,5
Độ bóng	9	ISO 2813 / ASTM D523 60° ISO 2813 / ASTM D523 20°	(Chỉ báo: 70 GU) 25 (+10/-5) GU
Độ cứng bề mặt theo thang đo Mohs	11	EN 15771	Tối thiểu 5
Khả năng chống trầy xước	12	ISO 15695	Tối thiểu 7 N
Độ cứng bút chì	13	ASTM D-3363	> 9H
Khả năng chống mòn	14	ASTM C 501 (Chất mài mòn S 33/1 kg/1000 vòng)	Tối đa 0,1 g
Khả năng chịu va đập	15	ISO 4532 (20N - 24h)	< 2 mm
Khả năng chống axit lạnh	16	EN 14483-1-9 / ISO 28706-1-9	Tối thiểu A
Khả năng chống dung môi	17	PVNV 41.822	Không thay đổi
Khả năng chống cháy	18	EN 13501-1 +A1	Không cháy - Lớp A1
Độ ổn định màu sắc	19	ASTM C 538	ΔE ⁹⁴ ≤ 5
Khả năng xóa của bút khô	24	PVNV 41.803	Tốt (ΔE ⁹⁴ ≤ 4.5)
Khả năng xóa của bút gốc nước bằng nước	25	PVNV 41.822	Xuất sắc (ΔE ⁹⁴ ≤ 1.5)
Khả năng xóa của bút không phai với cồn	26	PVNV 41.822	Xuất sắc (ΔE ⁹⁴ ≤ 1.5)
Độ bền	27	PVNV 41.809	RG < 30%
Khả năng xóa của bề mặt đã cũ	28	PVNV 41.809	Tốt (ΔE ⁹⁴ ≤ 4.5)
EN ISO 28762	29	EN ISO 28762	Đạt yêu cầu
Cơ quan Quản lý Tráng men Châu Âu	30	Yêu cầu về Chất lượng của EEA	EEA 7.17: Đạt yêu cầu
Chứng nhận MBDC Cradle to Cradle	31	Chứng nhận Cradle to Cradle Bronze	Đã chứng nhận
Tuân thủ PEI 1002	32	PEI 1002	Đạt yêu cầu
Tuân thủ ISO 9001, ISO 14001	33	ISO 9001	Đã chứng nhận



Bề mặt viết bảng phấn - C

Lý tưởng cho các ứng dụng giữ nam châm và được sử dụng rộng rãi trong các không gian giáo dục, bề mặt bảng phấn CeramicSteel có thể xóa ướn có lớp hoàn thiện siêu mờ, dễ bảo trì và dễ làm sạch.



Thuộc tính	Tham chiếu trong Tài liệu số 41.822	Thông số kỹ thuật	Bảng trắng e ³ Loại C
Tổng độ dày lớp men phủ trên	1	ISO 2178 / ASTM B499	85 - 110 µm / 3.35 - 3.94 mills
Độ dày thép	2		Xem kích thước, trang 13
Độ dày lớp men phủ phía sau	3	ISO 2178 / ASTM B499	Loại A: 25 - 50 µm / 0.98 - 1.97 mills Loại B: 35 - 50 µm / 1.38 - 1.97 mills
Tổng độ dày	4		Xem kích thước, trang 13
Chiều rộng tiêu chuẩn có sẵn	5		Xem kích thước, trang 13
Màu tiêu chuẩn có sẵn	6		Xem màu tiêu chuẩn, trang 12
Trọng lượng (diện hình)	7	-	2.9 - 3.2 kg/m ²
Độ lệch màu so với tiêu chuẩn	8	ISO 7724 / ASTM D2244-02	ΔE ⁹⁴ = tối đa 1,5
Độ bóng	9	ISO 2813 / ASTM D523 60° ISO 2813 / ASTM D523 20°	5.5 (+4/-2) GU NA
Độ cứng bề mặt theo thang đo Mohs	11	EN 15771	Tối thiểu 5
Khả năng chống trầy xước	12	ISO 15695	NA
Độ cứng bút chì	13	ASTM D-3363	> 9H
Khả năng chống mòn	14	ASTM C 501(Chất mài mòn S 33/1 kg/1000 vòng)	Tối đa 0,1 g
Khả năng chịu va đập	15	ISO 4532 (20N - 24h)	< 2 mm
Khả năng chống axit lạnh	16	EN 14483-1-9 / ISO 28706-1-9	NA
Khả năng chống dung môi	17	PVNV 41.822	Không thay đổi
Khả năng chống cháy	18	EN 13501-1 +A1	Không cháy - Lớp A1
Độ ổn định màu sắc	19	ASTM C 538	ΔE ⁹⁴ ≤ 5
Khả năng xóa của bút khô	24	PVNV 41.803	NA
Khả năng xóa của bút gốc nước bằng nước	25	PVNV 41.822	NA
Khả năng xóa của bút không phai với cồn	26	PVNV 41.822	NA
Độ bền	27	PVNV 41.809	NA
Khả năng xóa của bề mặt đã cũ	28	PVNV 41.809	NA
EN ISO 28762	29	EN ISO 28762	Đạt yêu cầu
Cơ quan Quản lý Tráng men Châu Âu	30	Yêu cầu về Chất lượng của EEA	EEA 7.15: Đạt yêu cầu
Chứng nhận MBDC Cradle to Cradle	31	Chứng nhận Cradle to Cradle Bronze	Đã chứng nhận
Tuân thủ PEI 1002	32	PEI 1002	Đạt yêu cầu
Tuân thủ ISO 9001, ISO 14001	33	ISO 9001	Đã chứng nhận

Bề mặt bảng đánh dấu chiếu - P

Bề mặt chiếu lý tưởng này hoạt động gấp đôi, cũng cung cấp khả năng viết tuyệt vời. Bề mặt chiếu xóa ướn được thiết kế đặc biệt cho các không gian chiếu sử dụng nhiều như phòng AV.



Thuộc tính	Tham chiếu trong Tài liệu số 41.822	Thông số kỹ thuật	Bảng trắng e ³ Loại P
Tổng độ dày lớp men phủ trên	1	ISO 2178 / ASTM B499	100 - 130 µm / 3.94 - 5.12 mills
Độ dày thép	2		Xem kích thước, trang 13
Độ dày lớp men phủ phía sau	3	ISO 2178 / ASTM B499	Loại A: 25 - 50 µm / 0.98 - 1.97 mills Loại B: 35 - 50 µm / 1.38 - 1.97 mills
Tổng độ dày	4		Xem kích thước, trang 13
Chiều rộng tiêu chuẩn có sẵn	5		Xem kích thước, trang 13
Màu tiêu chuẩn có sẵn	6		Xem màu tiêu chuẩn, trang 12
Trọng lượng (điển hình)	7	-	2.9 - 3.2 kg/m ²
Độ lệch màu so với tiêu chuẩn	8	ISO 7724 / ASTM D2244-02	ΔE ⁹⁴ = tối đa 1,5
Độ bóng	9	ISO 2813 / ASTM D523 60° ISO 2813 / ASTM D523 20°	13 (+3/-3) GU NA
Độ cứng bề mặt theo thang đo Mohs	11	EN 15771	Tối thiểu 5
Khả năng chống trầy xước	12	ISO 15695	NA
Độ cứng bút chì	13	ASTM D-3363	> 9H
Khả năng chống mòn	14	ASTM C 501 (Chất mài mòn S 33/1 kg/1000 vòng)	Tối đa 0,1 g
Khả năng chịu va đập	15	ISO 4532 (20N - 24h)	< 2 mm
Khả năng chống axit lạnh	16	EN 14483-1-9 / ISO 28706-1-9	NA
Khả năng chống dung môi	17	PVNV 41.822	Không thay đổi
Khả năng chống cháy	18	EN 13501-1 +A1	Không cháy - Lớp A1
Độ ổn định màu sắc	19	ASTM C 538	ΔE ⁹⁴ ≤ 5
Khả năng xóa của bút khô	24	PVNV 41.803	Poor (ΔE ⁹⁴ ≥ 4.5)
Khả năng xóa của bút gốc nước bằng nước	25	PVNV 41.822	Tốt (ΔE ⁹⁴ ≤ 4.5)
Khả năng xóa của bút không phai với cồn	26	PVNV 41.822	Tốt (ΔE ⁹⁴ ≤ 4.5)
Độ bền	27	PVNV 41.809	NA
Khả năng xóa của bề mặt đã cũ	28	PVNV 41.809	NA
EN ISO 28762	29	EN ISO 28762	NA
Cơ quan Quản lý Tráng men Châu Âu	30	Yêu cầu về Chất lượng của EEA	EEA 7.16: Đạt yêu cầu
Chứng nhận MBDC Cradle to Cradle	31	Chứng nhận Cradle to Cradle Bronze	Đã chứng nhận
Tuân thủ PEI 1002	32	PEI 1002	Đạt yêu cầu
Tuân thủ ISO 9001, ISO 14001	33	ISO 9001	Đã chứng nhận





Bảo hành Vĩnh viễn

Polyvision cam kết rằng bất kỳ bề mặt CeramicSteel nào do Polyvision sản xuất sẽ duy trì được các đặc tính viết và xóa của nó, cũng như độ sáng bóng và sự đồng nhất màu sắc trong suốt tuổi thọ của tòa nhà hoặc miễn là sản phẩm còn được sử dụng, tùy điều kiện nào đến trước.

Nếu có bất kỳ sai sót rõ ràng nào trái với bảo hành này, thì khi nhận được thông báo bằng văn bản từ khách hàng, Polyvision sẽ tùy chọn khắc phục sự không phù hợp đó bằng cách sửa chữa hoặc thay thế. Việc sửa chữa theo cách nêu trên sẽ được coi là hoàn thành mọi trách nhiệm của Polyvision đối với chất lượng của bề mặt viết CeramicSteel. Bảo hành chỉ được áp dụng dưới điều kiện sử dụng và bảo dưỡng bình thường và không bao gồm các khiếm khuyết do xử lý không đúng cách, hành vi phá hoại hoặc lạm dụng, hoặc do không tuân theo các hướng dẫn và khuyến nghị bảo dưỡng của Polyvision. Bảo hành sẽ bị vô hiệu nếu khách hàng hoặc các bên khác thực hiện bất kỳ sửa đổi nào đối với sản phẩm có hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản hoặc kiến thức trước của Polyvision.

Bảo hành không bao gồm chi phí tháo dỡ hoặc lắp đặt lại. Bảo hành này có hiệu lực từ ngày 4 tháng 6 năm 2009 và thay thế các điều khoản và điều kiện của tất cả các bảo hành bề mặt trước đây do Polyvision cấp cho khách hàng.

Bảo hành có giới hạn này là biện pháp khắc phục duy nhất cho các khuyết điểm của sản phẩm và không có bảo hành rõ ràng hay ngụ ý nào khác, bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ bảo hành ngụ ý nào về tính thương mại hoặc phù hợp cho một mục đích cụ thể. Polyvision sẽ không chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh hoặc ngẫu nhiên phát sinh từ bất kỳ khuyết điểm nào của sản phẩm.



Vệ sinh + Bảo dưỡng | Bảng viết bằng bút lông

Vệ sinh trước khi sử dụng lần đầu

1. Hãy gỡ bỏ lớp màng bảo vệ, nếu có.
2. VỆ SINH: Lau bảng bằng khăn sạch (*) đã được làm ẩm với hỗn hợp cồn isopropyl và nước (30/70) — chất tẩy rửa bảng trắng hiệu quả nhất (**).
3. RỬA: Rửa bề mặt bằng nước và khăn sạch.
4. LÀM KHÔ: Lau khô bề mặt bằng khăn sạch.

Vệ sinh và Bảo dưỡng Chung

1. VỆ SINH: Lau bảng bằng khăn sạch (*) đã được làm ẩm với:
 - a. Nước: trong hầu hết các trường hợp, nước sẽ làm sạch bề mặt.
 - b. Hoặc hỗn hợp cồn isopropyl và nước (30/70 %v/v) — chất tẩy rửa bảng trắng hiệu quả nhất (**).
2. RỬA: Rửa bề mặt bằng nước và khăn sạch.
3. LÀM KHÔ: Lau khô bề mặt bằng khăn sạch.

Tần suất vệ sinh phụ thuộc vào mức độ sử dụng của bề mặt viết. Nên vệ sinh hàng ngày hoặc ít nhất là hàng tuần.

Loại bỏ Vết bút & Cặn bám

1. VỆ SINH: Làm ẩm một khăn sạch, khô với nước.
 - a. Thoa một lượng nhỏ chất tẩy rửa mài mòn vào khăn.
 - b. Làm sạch từng khu vực nhỏ bằng cách di chuyển qua lại với áp lực nhẹ nhàng.
- Lưu ý: Để đạt kết quả tốt nhất, hãy làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất trên nhãn.
2. RỬA: Rửa kỹ bằng nước sạch vì cặn xà phòng trên bề mặt sẽ làm giảm khả năng xóa khô.
 3. LÀM KHÔ: Lau khô bề mặt bằng khăn sạch.
 4. Để nhanh chóng và dễ dàng loại bỏ vết bút cố định, hãy viết đè lên vết đó bằng bút viết xóa khô. Sau đó, chỉ cần xóa đi. Trong hầu hết các trường hợp, việc này sẽ loại bỏ vết bút cố định.

* Để đạt kết quả tốt nhất, hãy sử dụng khăn microfiber

** Sử dụng chất tẩy rửa không phù hợp có thể dẫn đến khả năng xóa kém do tích tụ các cặn từ chất tẩy rửa trên bề mặt.

Vệ sinh + Bảo dưỡng | Bảng phần

Vệ sinh trước khi sử dụng lần đầu

1. Hãy gỡ bỏ lớp màng bảo vệ, nếu có.
2. Phủ phần lên bề mặt bằng cách sử dụng cạnh dài của viên phần.
3. Xóa bảng bằng tẩy latex hoặc nỉ.
4. Giữ tẩy khô và sạch.
5. Vệ sinh bề mặt bằng nước ấm sạch.
6. Rửa kỹ bằng nước sạch và lau bề mặt bằng dụng cụ lau kính chất lượng.
7. Để bề mặt khô hoàn toàn trước khi sử dụng.

Vệ sinh và Bảo dưỡng Chung

1. Xóa bảng bằng tẩy latex hoặc nỉ. Giữ cho tẩy khô và làm sạch chúng thường xuyên.
2. Vệ sinh bề mặt bằng nước ấm sạch.
3. Rửa kỹ bằng nước sạch và lau bề mặt bằng dụng cụ lau kính chất lượng. Để bề mặt khô hoàn toàn trước khi sử dụng.

Lưu ý: Các bảng sử dụng vừa phải nên được vệ sinh từ hai đến ba lần mỗi tuần. Các bảng sử dụng nhiều hơn có thể cần phải vệ sinh hàng ngày.

Loại bỏ Vết bút & Cặn bám

1. Vệ sinh bề mặt bằng nước ấm sạch. (Sử dụng dung dịch Extran MA 02 5% hoặc chất tẩy rửa có chứa phốt phát pha trong nước và chà kỹ bằng miếng bọt biển nhà bếp khi cần thiết.)
2. Rửa kỹ bằng nước sạch và lau khô bề mặt bằng dụng cụ lau kính chất lượng. Để bề mặt khô hoàn toàn trước khi sử dụng.

Lưu ý: Để xác định xem bề mặt bảng của bạn có phải là e³ CeramicSteel của Polyvision hay không, hãy cào một khu vực nhỏ, khuất trên bảng bằng vật sắc nhọn, chẳng hạn như chìa khóa. Các bề mặt e³ của Polyvision sẽ chống lại thử nghiệm này, trong khi các bề mặt sơn dễ bị trầy xước và hư hỏng.



**Polyvision
Châu Mỹ**

4301 N Wood DR
Okmulgee, OK 74447 USA

T 1 888 325 6351
E USsupport@polyvision.com

**Polyvision
Châu Âu**

Zuiderring 56
3600 Genk, Belgium

T +32 89 32 31 30
E EMEAsupport@polyvision.com

**Polyvision Châu Á
Thái Bình Dương**

15th Floor, Kinwick Centre
32 Hollywood Road, Central District
Hong Kong

T +852 2520 0160
E APACsupport@polyvision.com

SURFACEMATTERS™

©2025 Polyvision Corporation. Mọi quyền đã được bảo lưu. Polyvision, logo Polyvision, e3 và logo e3 là thương hiệu của Tập đoàn Polyvision. Tập đoàn Polyvision có quyền thay đổi thiết kế sản phẩm, cấu trúc hoặc chi tiết, và ngừng cung cấp bất kỳ sản phẩm hoặc vật liệu nào mà không cần thông báo trước.

polyvision.com



22-07-2025 EMEA APAC VIE